

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10- 4 - 2024

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thẩm

Ông Vũ Văn Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Đại N: sinh ngày 20/10/1989

Trú quán: Thôn 6, xã Q, thị xã B, tỉnh T

Bị đơn: Chị Lương Thị Hằng: sinh ngày 17/6/1991

Trú quán: Thôn 6, xã Q, thị xã B, tỉnh T

(anh N, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 nguyên đơn anh Trần Đại N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh T ngày 16/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà anh ở xã Quang T, thị xã B. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, không ai nhường nhịn ai. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị H.

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu là Trần Ngọc A (nữ) sinh ngày 01/9/2010, hiện nay đang học trường Trung học cơ sở xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, cháu thứ hai tên là Trần Đại A (nam) sinh ngày 15/7/2016, hiện nay đang học Trường Tiểu học xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, cháu thứ ba là Trần Đại P (nam) sinh ngày 20/10/2018 hiện nay đang học Trường mầm non xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2024 chị Lương Thị Hằng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đại N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh T năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hoà thuận, không có tiếng nói chung và tới giờ vợ chồng không còn cảm thông, yêu thương nhau nữa nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm, tuy nhiên chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nên người vì vậy chị không đồng ý ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu thứ nhất tên là Trần Ngọc A (nữ) sinh ngày 01/9/2010, cháu thứ hai tên là Trần Đại A (nam) sinh ngày 15/7/2016, cháu thứ ba là Trần Đại P (nam) sinh ngày 20/10/2018. Nếu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh N, chị đồng ý giao 3 cháu cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 25/3/2024 ông Nguyễn Duy T trưởng thôn 6, xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn cung cấp: Anh N, chị H là vợ chồng, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã Q, thị xã B. Vợ chồng có 03 con là Trần Ngọc A (nữ) sinh năm 2010, Trần Đại A (nam) sinh năm 2016 và Trần Đại P (nam) sinh năm 2018. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh N, chị H thường xuyên đi làm, vì anh chị không báo cáo nên địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh N làm đơn ly hôn với chị H nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 25/3/2024 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/3/2024, tuy nhiên, anh N có đơn đề nghị Toà án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, chị Hằng có đơn đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt chị. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (viết tắt: BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Đại N, chị Lương Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Đại N và chị Lương Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đại Nghĩa

- Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Đại N được ly hôn với chị Lương Thị H

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là Trần Ngọc A (nữ) sinh ngày 01/9/2010, cháu Trần Đại A (nam) sinh ngày 15/7/2016 và cháu Trần Đại P (nam) sinh ngày 20/10/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị Hằng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đề nghị buộc anh Trần Đại N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh Trần Đại N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị H. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Quang Trung, thị xã Bim Sơn, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Trần Đại N và chị Lương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên cãi nhau, không ai nhường nhịn ai. Nay, vợ chồng thực sự không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ nên anh N cương quyết xin ly hôn với chị Hằng, chị H công nhận vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không yêu thương nhau nữa, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân

không đạt được. Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm tuy nhiên vì con cái chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên người. HĐXX thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng anh N, chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố níu kéo chỉ làm cho hai bên cùng đau khổ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu anh Nghĩa xử cho anh N được ly hôn với chị H là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu thứ nhất tên là Trần Ngọc A (nữ) sinh ngày 01/9/2010, cháu thứ hai tên là Trần Đại A (nam) sinh ngày 15/7/2016, cháu thứ ba là Trần Đại P (nam) sinh ngày 20/10/2018. Khi ly hôn anh N có nguyện vọng xin được nuôi 3 cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H trình bày chị không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N chị đồng ý giao 3 con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy, anh N xin được nuôi dưỡng 3 cháu, chị H đồng ý giao 3 con cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc và cũng phù hợp với nguyện vọng xin ở với bố của các cháu Ngọc A, Đại A nên giao cả 3 cháu cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị Hằng không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Đại N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bồi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đại N

- Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Đại N được ly hôn với chị Lương Thị H.
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Ngọc A (giới tính: nữ) sinh ngày 01/9/2010, cháu Trần Đại A (giới tính: nam) sinh ngày 15/7/2016 và cháu Trần Đại P (giới tính: nam) sinh ngày 20/10/2018 cho anh Trần Đại N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Đại N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn ngày 20/3/2024 theo biên lai thu số: 0004513. Như vậy, anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Trần Đại N, chị Lương Thị H

Anh N, chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Đương sự;
- UBND xã Quang Trung (ĐK 16/3/2010);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- THA Dân sự thị xã Bỉm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÓNG THỊ HÀ

